TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **167B/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2022
V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi,** Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Dịu -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Quý C, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn TT, xã TXT, huyện CM, Thành phố HN.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1993 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn TT, xã TXT, huyện CM, Thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Lê Quý C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quý C và chị Bùi Thị H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 22/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TXT, huyện CM, Tp. HN. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến không còn tình cảm. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2020 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Lê Phương T, sinh ngày 07/12/2011. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, bị đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác nhận chị và anh Lê Quý C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TXT, huyện CM, Tp. HN. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, đồng thời vợ chồng cũng ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C có đơn xin ly hôn, chị H đồng ý

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh C có 01 con chung là Lê Phương T, sinh ngày 07/12/2011. Hiện tại con chung đang sống cùng anh C tại thôn TT, xã TXT, huyện CM. Nếu ly hôn, chị H nhường quyền nuôi con cho anh C. Anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, chị H nhất trí

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Anh C vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn chị H. Về con chung: Anh xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Phương T, anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận ý kiến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Bùi Thị H cư trú tại xã TXT, huyện CM, Tp. HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Bùi Thị H đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định xét xử vụ án, chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quý C kết hôn với chị Bùi Thị H trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 22/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TXT, huyện CM, Tp. HN nên hôn nhân giữa anh C và chị H là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của anh C, chị H và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống giữa anh C và chị H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng

nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Trước yêu cầu của anh C xin ly hôn, chị H đồng ý ly hôn nhưng có đơn xin vắng mặt khi xét xử vụ án. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của anh C xin ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Anh C và chị H xác nhận có 01 con chung là Lê Phương T, sinh ngày 07/12/2011, cháu T có nguyện vọng được ở cùng anh C. Khi ly hôn anh C xin nuôi cháu T, chị H nhất trí.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Anh Lê Quý C được ly hôn chị Bùi Thị H.

2.Về con chung: Giao 01 con chung là Lê Phương T, sinh ngày 07/12/2011 cho anh Lê Quý C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Bùi Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H đến khi có sự thay đổi khác.

4.Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí: Anh Lê Quý C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075793 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, Tp. HN.

6.Về quyền kháng cáo: Anh Lê Quý C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND Tp. HN;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã TXT, (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Dũng